TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **43** /2023/QĐST-HNGĐ	*Thanh Ba, ngày 04 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 224/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị N - Sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Khu 1, xã T, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Hoàng Văn N2 - Sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Khu 1, xã T, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: bà Đỗ Thị H, sinh năm 1959; Là Luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Anh Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thanh Ba Phú Thọ II - Phòng giao dịchT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P - Chức danh: Giám đốc phòng giao dịchT thuộc Agribank chi nhánh huyện Thanh Ba Phú Thọ II.

2/ Ông Hoàng Minh G, sinh năm 1957

3/ Bà Hà Thị T, sinh năm 1960;

4/ Anh Hoàng Tiến Đ, sinh năm 1988;

5/ Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1989;

Đều cư trú tại: Khu 1, xã T, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào *"Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành"* ngày 28 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong "*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành*" ngày 28 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vi Thị N và Anh Hoàng Văn N2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị Vi Thị N và Anh Hoàng Văn N2 đều xác nhận có 02 con chung là Hoàng Minh K, sinh ngày 12/8/2012 và Hoàng Thiên B, sinh ngày 22/10/2015 (Hiện nay hai con đang ở với Anh N2).

Chị Vi Thị N và Anh Hoàng Văn N2 tự nguyện thỏa thuận: Khi ly hôn Anh Hoàng Văn N2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, Anh N2 tự nguyện không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con nên Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung:

Chị Vi Thị N và Anh Hoàng Văn N2 xác nhận có các tài sản chung gồm:

01 thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, diện tích 100,0m^2 tại khu 1, xãT, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đứng tên ông Hoàng Văn N2, được UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 09/5/2014, số vào sổ cấp GCN: CH 000 676. Trên diện tích đất này có 01 nhà xây dạng nhà ống, 02 tầng, 01 tum, công trình phụ khép kín, xây hết đất. Có sân và chuồng cọp là đất hành lang giao thông. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thanh Ba Phú Thọ II – Phòng giao dịchT đang lưu giữ).

Còn 01 thửa đất số 353, tờ bản đồ số 22, diện tích 155,8m^2 tại khu 2, xã T (nay là khu 1, xã T), huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đứng tên hộ ông Hoàng Văn N2, được UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 11/8/2014, số vào sổ cấp GCN: CH 000 742. Trên diện tích đất này hiện nay bà T đang trồng rau và có 01 chuồng gà do vợ chồng Chị N và Anh N2 xây. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay bà T đang giữ. (Đây là đất cấp cho hộ gia đình nên thời điểm được cấp đất có cả các thành viên trong hộ gia đình Anh N2).

Chị N, Anh N2, bà T và đại diện Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu định giá đối với hai thửa đất trên và thống nhất về giá theo biên bản thảo thuân của Chị N và Anh N2 ngày 28/3/2023: Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, diện tích 100m^2 trị giá 1.400.000.000đ, thả đất số 353, tờ bản đồ số 22, diện tích 155,8m^2 trị giá 600.000.000đ. (*Toàn bộ hiện trạng hai thửa đất có Bản chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính kèm theo).*

2.3. Về nợ chung: Chị Vi Thị N và Anh Hoàng Văn N2 xác nhận còn nợ Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện Thanh Ba Phú Thọ II - Phòng giao dịch T số tiền 600.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Chị Vi Thị N và Anh Hoàng Văn N2, bà Hà Thị T và ông P đại diện Ngân hàng tự nguyện thỏa thuận như sau:

Anh Hoàng Văn N2 được toàn quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, diện tích 100,0m^2 tại khu 1, xã T, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đứng tên ông Hoàng Văn N2, được UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 09/5/2014, số vào sổ cấp GCN: CH 000 676. Chỉ giới theo bản chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính là 1, 2, 3, 4, 1. Trên diện tích đất này có 01 nhà xây dạng nhà ống, 02 tầng, 01 tum, công trình phụ khép kín, xây hết đất. Có sân và chuồng cọp là đất hành lang giao thông.

Anh Hoàng Văn N2 vẫn tiếp tục đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được sử dụng thửa đất số 353, tờ bản đồ số 22, diện tích 155,8m^2 tại khu 2, xãT (nay là khu 1, xã T), huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đứng tên hộ ông Hoàng Văn N2, được UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 11/8/2014, số vào sổ cấp GCN: CH 000 742. Chỉ giới theo bản chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính là 1, 2, 3, 4, 5, 1. Trên diện tích đất này hiện nay bà T đang trồng rau và có 01 chuồng gà do vợ chồng Chị N và Anh N2 xây.

Bà T và toàn thể thành viên trong gia đình do bà T đại diện theo ủy quyền đều thống nhất để Anh N2 toàn quyền sở hữu và sử dụng thửa đất số 353, tờ bản đồ số 22, diện tích 155,8m^2. Việc thanh toán chênh lệch hay phân chia như thế nào thì Anh N2 và gia đình bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết (Chị N xác nhận không liên quan đến thửa đất này).

Anh N2 có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc 600.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thanh Ba Phú Thọ II – Phòng giao dịchT và thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho Chị N 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Xác nhận Anh Hoàng Văn N2 đã thanh toán xong số tiền giá trị chênh lệch tài sản là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng chẵn*) cho Chị Vi Thị N, theo biên bản giao nhận tiền ngày 28/3/2023. Anh N2 và gia đình bà T không phải thanh toán cho Chị N bất kỳ khoản tiền nào khác.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất bên cho vay.

2.4. Về các vấn đề khác: Chị Vi Thị N và Anh Hoàng Văn N2 xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Vi Thị N nhận nộp cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị Vi Thị N đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2020/0003561 ngày 26/10/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả cho Chị Vi Thị N số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vi Thị Năm